

Số: 351 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 05 tháng 09 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn thuê 2.517,5 m² đất tại xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng trạm dừng chân và trồng cây xanh.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 01 tháng 08 năm 2013 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp thuộc Khu liên hợp Công nghiệp Đô thị - Dịch vụ Phước Đông – Bời Lời, huyện Gò Dầu, Trảng Bàng tỉnh Tây Ninh.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 336 /TTr-STNMT ngày 29 tháng 07 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG thuê 2.517,5 m² đất tại xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng trạm dừng chân và trồng cây xanh.

- Nguồn gốc đất: Khu đất thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đã thực hiện xong công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án đã được duyệt.

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Bản trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 206/SĐ-TĐCL, tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 31 tháng 12 năm 2015 và được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

- Thời hạn sử dụng đất: Kể từ ngày Quyết định cho thuê đất có hiệu lực cho đến hết ngày 29 tháng 12 năm 2058 (theo thời hạn sử dụng đất còn lại của Giấy chứng nhận đầu tư).

- Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

- Thời điểm tính tiền thuê đất: Kể từ ngày Quyết định cho thuê đất có hiệu lực.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế Tỉnh, UBND huyện Gò Dầu, Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG, Văn phòng UBND Tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:
 - Thông báo cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG nộp phí và lệ phí theo quy định.
 - Ký hợp đồng thuê đất với Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG theo quy định.
 - Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính cấp tỉnh và cấp huyện theo quy định.
2. Cục Thuế Tỉnh: Xác định đơn giá thuê đất và thông báo cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG số tiền thuê đất phải nộp theo quy định.
3. UBND huyện Gò Dầu có trách nhiệm:
 - Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường trực thuộc chủ trì, phối hợp UBND xã Phước Đông và các đơn vị có liên quan xác định cụ thể mốc giới và bàn giao đất ngoài thực địa cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG (Biên bản bàn giao gửi về Chi cục Quản lý Đất đai – Sở TN&MT để lưu hồ sơ).
 - Bổ sung công trình này vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện Gò Dầu theo quy định.
 - Chỉ đạo UBND xã Phước Đông chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.
4. Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG có trách nhiệm sử dụng đất đúng ranh giới, diện tích, mục đích theo quy định của Luật đất đai; ký hợp đồng thuê đất và trả tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định.
5. Văn phòng UBND Tỉnh chịu trách nhiệm đăng Quyết định này lên cổng thông tin điện tử của Tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế Tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Gò Dầu, Chủ tịch UBND xã Phước Đông, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG, Thủ trưởng Sở, Ban, Ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. /

Nơi nhận: /

- Như Điều 3(t/h);
- TTTH (đăng Website);
- Lưu: Văn thư, CVKT2.

12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K, CHỦ TỊCH

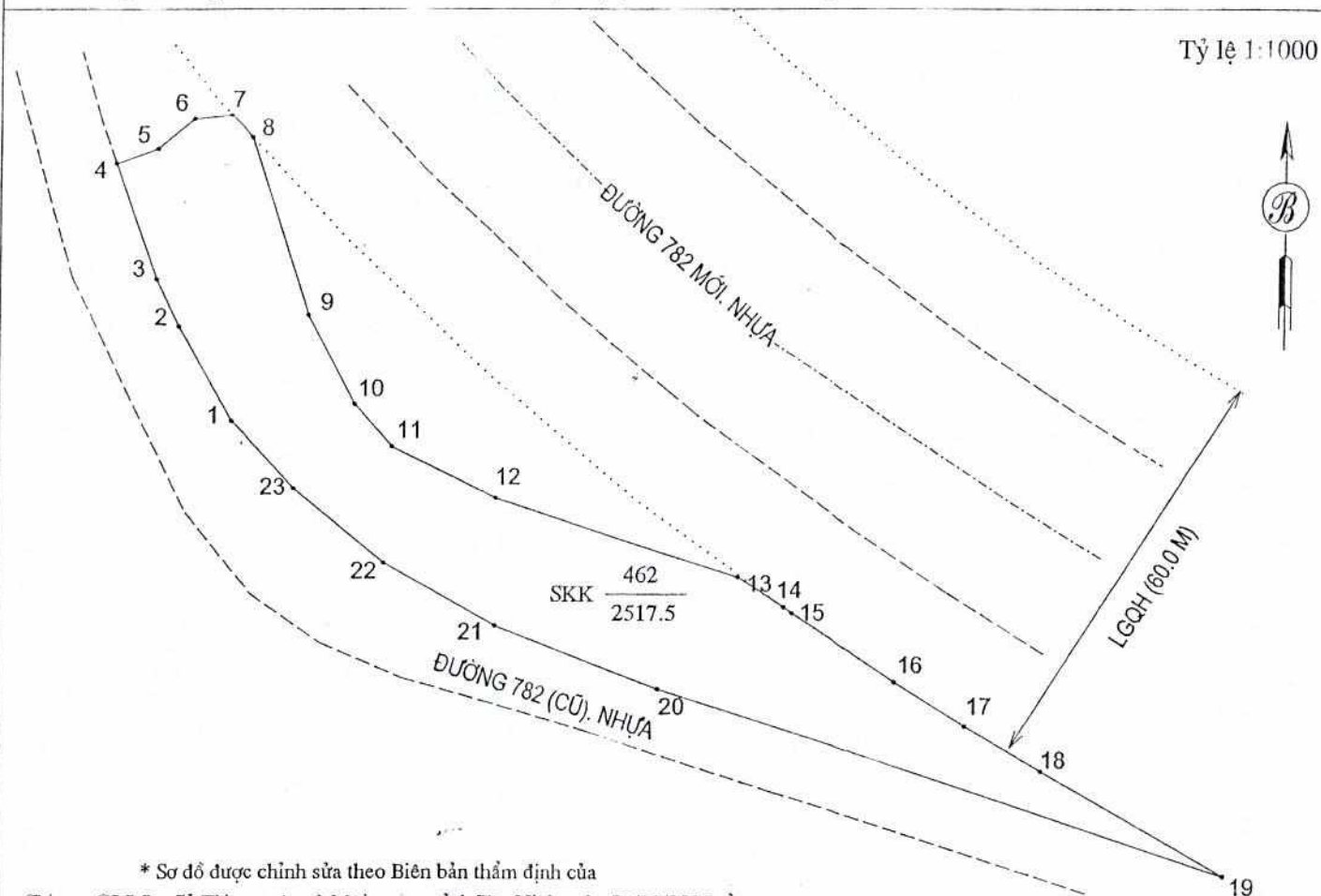
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

BẢN TRÍCH ĐO CHỈNH LÝ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

- Tên tổ chức đề nghị trích đo chỉnh lý: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG
- Địa chỉ: KCN Đông Nam, xã Hoà Phú, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh
- Mục đích trích đo chỉnh lý: xây dựng trạm dừng chân (thực hiện dự án theo giấy chứng nhận đầu tư)
- Mục đích sử dụng đất theo hiện trạng (hoặc theo giấy tờ pháp lý): đất trống
- Mục đích sử dụng đất xin lập thủ tục: Đất khu công nghiệp (SKK)
- Diện tích: 2517.5 m²
- Trích đo chỉnh lý từ các thửa: 30, 31, 34, 35, 36, 40, 41; Tờ bản đồ số: 7 ; Thửa đất mới số: 462 ; Tờ bản đồ số: 7
- Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về QSD Đất:
- Khu vực đất: ấp Phước Đức B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh



* Sơ đồ được chỉnh sửa theo Biên bản thẩm định của

Chi cục QLDD - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh ngày 27/11/2015.

Thông tin biến động	STT thửa đất	Tờ bản đồ	ML Đất	Chủ sdd theo hiện trạng	DT thửa đất đã được chỉnh lý
Thửa đất tách	30, 31, 34, 35, 36, 40, 41	07			
Thửa đất hợp					
Thửa đất mới sau chỉnh lý	462	07	SKK		2517.5

Ghi chú:

- Ranh BĐĐC
- Ranh th.đất theo hiện trạng
- QH lộ giới
- Bản đồ này không thay thế GCN QSDĐ, QSHN và TSKGL với đất

(Kèm theo Quyết định số:...../QĐ-UBND ngày...../..... của UBND tỉnh Tây Ninh)

Ngày 31 tháng 11 năm 2015 Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Tây Ninh p. Giám đốc	Ngày 08 tháng 11 năm 2016 UBND xã Phước Đông p. Chủ tịch (Ký xác nhận đo vẽ theo hiện trạng)	Ngày 25 tháng 01 năm 2016 Chi cục Quản lý đất đai Chi cục trưởng	Ngày 01 tháng 02 năm 2016 Sở Tài nguyên và Môi trường Giám đốc
--	---	--	--



Hoàng Văn Chiến



Lê Tấn Vinh



Biện Hoàn Vũ



Nguyễn Đình Xuân

Tọa độ và chiều dài cạnh thửa

Số hiệu Đỉnh thửa	Tọa độ VN-2000		Chiều dài (m)
	X	Y	
1	1231566.02	588705.66	15.11
2	1231579.14	588698.16	7.24
3	1231585.63	588694.94	17.03
4	1231601.67	588689.22	6.20
5	1231603.75	588695.06	6.60
6	1231607.97	588700.14	5.24
7	1231608.48	588705.36	4.29
8	1231605.35	588708.30	25.93
9	1231580.68	588716.28	13.96
10	1231568.36	588722.84	7.89
11	1231562.45	588728.06	16.25
12	1231555.26	588742.63	35.97
13	1231544.28	588776.88	7.68
14	1231540.02	588783.27	1.42
15	1231539.18	588784.42	17.72
16	1231529.52	588799.27	11.78
17	1231523.40	588809.33	12.61
18	1231517.07	588820.24	29.87
19	1231502.49	588846.31	84.52
20	1231528.59	588765.92	24.88
21	1231537.42	588742.66	17.91
22	1231546.17	588727.03	16.33
23	1231556.60	588714.46	12.89
1	1231566.02	588705.66	